



Bài 1

Cascading Style Sheets

Module: BOOTCAMP FRONT-END DEVELOPMENT



Mục tiêu

- Nhúng được CSS vào trang web
- Sử dụng được CSS selector
- Sử dụng được CSS để tùy chỉnh văn bản
- Giải thích được Box Model
- Sử dụng được CSS để điều chỉnh
- kích thước các thành phần
- Sử dụng được CSS tạo layout đơn giản

CSS – Cascading Style Sheet

- CSS là gì?
- Tại sao lại cần đến CSS?
- CSS có thể thực hiện được những hiệu ứng gì?
- Làm thế nào để nhúng CSS vào trong tài liệu HTML?
- Khi nào thì sử dụng inline-style, internal style hoặc external style?
- Cú pháp khai báo bộ quy tắc (rule) trong CSS là như thế nào?
- Làm thế nào để ghi chú trong CSS?

CSS là gì?



- CSS là viết tắt của cụm từ **Cascading Style Sheets**
- CSS mô tả cách các phần tử HTML sẽ hiển thị trên màn hình, trang web, hoặc các phương tiện khác.
- CSS giúp chúng ta tiết kiệm được rất nhiều công sức. Nó giúp chúng ta chỉnh sửa giao diện của nhiều trang web cùng một lúc.
- Các mô tả css có thể được lưu trong tệp tin CSS.

Nhúng CSS vào trang web



- Khai báo trực tiếp ở thẻ HTML (Inline style)

```
<h1 style="color:blue;margin-left:30px;">This is a  
heading</h1>
```

- Khai báo trong thẻ <style> của tài liệu HTML (Internal style sheet)

```
<style>  
  body { background-color: linen; }  
  h1 { color: maroon; margin-left: 40px; }  
</style>
```

- Khai báo trong file .css riêng biệt (External style sheet)

```
<link rel="stylesheet" type="text/css" href="mystyle.css">
```

Độ ưu tiên khi nhúng CSS



- Khi có nhiều khai báo CSS cho cùng một thẻ HTML thì các khai báo này sẽ tuân thủ theo độ ưu tiên như sau:
 1. Inline style
 2. External và Internal Style
 3. Kiểu mặc định của trình duyệt

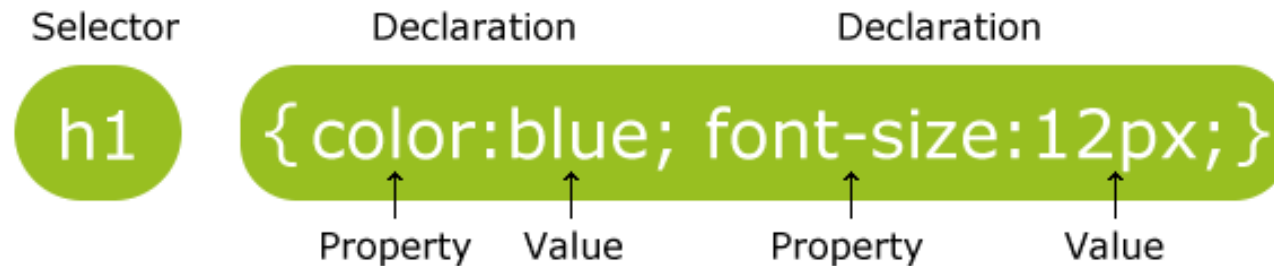
```
<head>
  <style> h1{ color:green; } </style>
</head>
<body>
  <h1 style="color:red;">This is a heading</h1>
</body>
```

This is a heading

Cú pháp sử dụng CSS



- Một Bộ Quy tắc (rule) CSS bao gồm một bộ chọn (selector) và một khối khai báo các thuộc tính:



- Ví dụ:

```
p {  
  color: red;  
  text-align: center;  
}
```



Các loại bộ chọn (selector)

- Tag selector: Chọn tất cả các phần tử
- Id selector: `p { text-align: center; color: red; }` xác định
- Class selector: `#para { text-align: center; color: red; }` với class xác định

```
.center { text-align: center; color: red; }
```




Độ ưu tiên của các selector

- Nếu có nhiều khai báo áp dụng cho một thành phần thì nó sẽ được áp dụng theo độ ưu tiên như sau:
 - Id selector
 - Class selector
 - Tag selector

```
<h1 id="header" class="my-header">Hello  
World!</h1>
```

```
#header {  
    text-align: center; color: red;  
}  
.my-header {  
    text-align: center; color: yellow;  
}  
h1 {  
    text-align: center; color: green;  
}
```

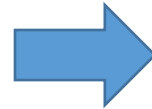
This is a heading

Kết hợp nhiều bộ chọn



- Chúng ta có thể kết hợp nhiều bộ chọn lại với nhau trong cùng một khai báo

```
h1 {  
  text-align: center; color:  
  red;  
}  
h2 {  
  text-align: center; color:  
  red;  
}  
p {  
  text-align: center; color:  
  red;  
}
```



```
h1, h2, p {  
  text-align: center; color: red;  
}
```

Các thuộc tính định dạng văn bản



- color: Quy định màu sắc chữ
- text-align: Căn lề chữ sang trái/phải
- text-decoration: Trang trí chữ gạch chân/gạch giữa...
- text-transformation: Chuyển thành chữ hoa/chữ thường...
- font-family: Loại chữ Arial/Time New Roman...
- font-style: Kiểu chữ in nghiêng/in đậm...
- font-size: Kích thước chữ
- font-weight: Độ đậm của nét chữ